



HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Những thách thức đối với đào tạo đại học

PHẠM CHÍ DŨNG

Sự kiện VN gia nhập WTO nằm trong lộ trình đương nhiên của xu thế toàn cầu hóa. Những đường biên giới vô hình đang và sẽ còn tiếp tục mở rộng, hướng chúng ta về một không gian mới mẻ, ở nơi đó chân trời tri thức lộ ra, vừa quyến rũ nhưng cũng chẳng phải là điểm đến toàn vẹn đối với những người yếu tim.

Từ nhiều năm nay, VN đã có mối quan hệ hợp tác với một số quốc gia trên thế giới, gặt hái được một số thành quả. Tuy nhiên, nếu xét đến tính thực chất của khái niệm hợp tác quốc tế thì chúng ta mới chỉ dừng lại ở giai đoạn thiên về tiếp nhận và sử dụng các nguồn tài trợ (nguồn vay và viện trợ không hoàn lại) của nước ngoài hơn là xây dựng được những trao đổi ngang bằng về lợi ích kinh tế và các giá trị tinh thần liên quan với các quốc gia khác. Cũng cần thừa nhận một thực tế là giáo dục đào tạo là một trong những ngành – vốn nằm trong trạng thái bao cấp lâu nhất – đã khó có khả năng đảm bảo sự chuẩn bị kỹ lưỡng và kịp thời cho

hiện tại và tương lai hội nhập quốc tế. Trong khi, những điều kiện hiện tồn về hợp tác quốc tế đang khẳng định VN đã bước sang giai đoạn phải tự lực về năng lực nội sinh của mình nếu không muốn ngày càng bị tụt hậu so với ngay những nước trong khu vực Đông Nam Á.

Ngay trước mắt, vấn đề WTO chính là một phép thử lớn lao và không nhượng bộ đối với không chỉ các hoạt động thương mại, đầu tư mà còn với cả những lĩnh vực y tế và giáo dục của VN – trong bối cảnh những lĩnh vực này đang được xã hội hóa và không tránh khỏi sự chi phối sâu sắc của thị trường. Bài viết này muốn đề cập đến một số thách thức trước mắt và lâu dài đối với hoạt động đào tạo đại học:

Phải hài hòa mối quan hệ giữa nền giáo dục mang tính bao cấp và nền giáo dục nhiều thành phần

Nền giáo dục truyền thống của VN mang đặc điểm sự chủ đạo của thành phần trường đại học nhà nước, do nhà nước lập ra và phần lớn các hoạt động của nhà trường được duy trì bởi nguồn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trạng thái này đã thay đổi dần từ khi VN chuyển sang nền kinh tế thị trường. Những thành phần đào tạo khác bắt đầu xuất hiện, thoát khỏi loại đại học mang tính mở, sau đó là các trường mang tính dân lập, rồi đến loại đại học có vốn đầu tư của nước ngoài. Sắp tới đây, hàng loạt trường đại học sẽ chuyển sang mô hình tư thực. Trong khi đó, theo chủ

tương xóa dần bao cấp và tăng tính tự chủ cho các trường, Nhà nước sẽ hạn chế dần ngân sách đối với một số trường (hiện nay một số trường đại học đã bị giảm ngân sách khoảng 50%), và tiến đến trạng thái tự chủ và chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính, thu chi của các trường. Do vậy, sẽ diễn ra tình trạng một số trường đại học công lập có tính năng động trong giai đoạn chuyển đổi sang cơ chế thị trường sẽ có khả năng tồn tại và phát triển vững chắc hơn là những trường đại học lệ thuộc mật thiết vào nguồn ngân sách đào tạo của Bộ GDĐT. Mặt khác, một phần lớn trong khối trường đại học dân lập sẽ hầu như không bị ảnh hưởng bởi chủ trương tiết giảm ngân sách và càng có điều kiện hơn với cơ chế tự chủ về tài chính; do đó đà vận động của những trường này sẽ ổn định hơn khối trường đại học công lập.

Vậy thì cần hài hòa hóa mối quan hệ trên như thế nào? Vấn đề trước mắt là làm sao tạo được tính thích nghi đối với những trường đại học công lập dựa vào nguồn ngân sách, không để xảy ra sự suy yếu trầm trọng hoặc thậm chí dẫn tới suy sụp của những trường này một khi nguồn ngân sách nhà nước cấp cho trường không còn nữa. Đồng thời, những trường đại học công lập khác, tuy đã duy trì được sự ổn định tương đối nhưng đứng trước đà cạnh tranh gay gắt từ phía các trường đại học dân lập, tư thục và trường nước ngoài, cũng phải làm sao tự đổi mới mình để thu hút học viên; và đó cũng là một nhiệm vụ trọng yếu của tất cả những trường đại học dân lập, tư thục. Một vấn đề khác là việc hài hòa hóa mối quan hệ giữa các trường công lập, giữa khối công lập và dân lập, giữa trường trong nước và trường nước ngoài là hạn chế tình trạng cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh ngày càng tăng mà có thể gây ra một số hệ quả, hậu quả đối với các trường và với chính nhận thức

của người học về sự nghiệp đào tạo.

Phải làm rõ và xác định tính triết lý về giáo dục

Quá trình chuyển đổi từ nền giáo dục bao cấp sang hoạt động giáo dục chịu sự chi phối của thị trường cũng dẫn đến sự đổi thay về tính triết lý trong giáo dục. Những khái niệm mới bắt đầu xuất hiện như “giáo dục là hàng hóa”, “giáo dục là một loại hàng hóa đặc biệt”, “dịch vụ giáo dục” hoặc “hàng hóa dịch vụ giáo dục đại học” đang nảy sinh và tác động không ít đến nhận thức của người dạy, người học đối với sự nghiệp giáo dục. Giáo dục có còn là lĩnh vực phúc lợi xã hội nữa không hay đã trở thành một loại hình dịch vụ thuần túy (như dịch vụ ngân hàng, dịch vụ xuất nhập khẩu, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ du lịch...)? Việc so sánh hình ảnh của giáo dục với khái niệm hàng hóa liệu có phải là sự mô phỏng theo kinh tế – chính trị Mác – Lê hay chỉ thuần túy là một khuynh hướng nằm trong chủ nghĩa tiêu dùng hiện đại? Và dù cho giáo dục có được coi là một loại hàng hóa đặc biệt đi nữa, thì nó vẫn mang đặc tính của hàng hóa là mua – bán, hay hiểu cụ thể hơn là người học bỏ tiền mua lấy kiến thức mà nhà trường cung cấp cho mình. Trong một nhận thức hoàn toàn lệch tâm, một số người còn xuất phát từ khái niệm “giáo dục là hàng hóa” và liên hệ với mối quan hệ doanh nghiệp – khách hàng trong cấu trúc thị trường để suy diễn rằng trường đại học cũng chính là một doanh nghiệp (điều này có vẻ đúng trong thực tế đối với những trường đại học dân lập và tư thục trong nước, và hoàn toàn đúng đối với trường có vốn đầu tư nước ngoài), và các giáo viên, giảng viên làm việc cho trường chỉ là những người đi làm thuê; trong khi sinh viên mới chính là khách hàng – thượng đế mà chủ trường và giáo viên phải phục vụ.

Nền giáo dục càng chuyển đổi sang trạng thái đa thành phần, cũng

như càng xuất hiện nhiều hệ quả do sự tác động, xâm nhập của thị trường vào lĩnh vực giáo dục (học phí, chất lượng đào tạo, bằng cấp...), thì tính triết lý trong giáo dục thời đại càng đa dạng và phân tán, trở nên mong manh và thiếu hẳn tính thuyết phục. Cho tới nay, những cuộc tranh cãi vẫn tiếp tục được duy trì, về việc giáo dục có phải là hàng hóa hay không. Thế nhưng những người theo đường lối giáo dục truyền thống lại chưa thể tìm ra câu trả lời xác đáng rằng nếu giáo dục không phải là hàng hóa mà vẫn là một loại hình phúc lợi xã hội, thì đương nhiên nó phải được nhận nguồn ngân sách thường xuyên từ Nhà nước; song trong thực tế thì Nhà nước đang cắt giảm khá nhiều nguồn ngân sách đó, do vậy không thể xem xét việc người học thụ hưởng nền giáo dục đương thời như một việc uống sữa không phải trả tiền. Trong khi đó, hầu hết các trường đại học dân lập lại luôn nêu bật đến vai trò và sứ mạng xã hội trong hoạt động đào tạo của mình, mà kết quả là chỉ có một số ít trong những trường này có tham gia đóng góp thuế cho Nhà nước; trong bối cảnh một số trường đại học dân lập được coi là dạng doanh nghiệp có mức siêu lợi nhuận (40-50%/năm) từ tiền thu học phí của sinh viên. Như vậy, cần đánh giá về sứ mạng của những trường đại học này như thế nào – theo dạng tổ chức phi vụ lợi, “doanh nghiệp công ích” có lợi nhuận hay “doanh nghiệp” vì lợi nhuận?

Cũng cho đến nay, đã chưa thể hình thành một nền tảng lý luận cơ bản và tính triết lý đặc trưng của nền giáo dục VN đương thời, mà tất cả những khái niệm cũ cũng như mới đều lẫn lộn vào nhau trong bầu không khí bàng bạc của buổi giao thoa giữa kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp và kinh tế thị trường.

Phải xây dựng mối quan hệ phù hợp giữa nền giáo dục trong nước với nền giáo dục hội nhập

Trong xu thế hội nhập, các

trường đại học trong nước sẽ không chỉ phải tự đổi mới về chương trình đào tạo, đội ngũ nhân lực, cơ sở vật chất, hoạt động tài chính, cơ chế tự kiểm định, hoạt động công nghệ và hướng đến thị trường, xã hội, mà những xu thế đào tạo và học tập đương đại của quốc tế cũng sẽ ảnh hưởng hầu như trực tiếp đến môi trường đào tạo của VN. Có thể xem xét một số xu thế dưới đây:

- Các môn học thế kỷ 21 như:

Bồi dưỡng tư duy mạch lạc (phân biệt được ngữ nghĩa học, logic học, số học, soạn thảo trên máy tính, phương pháp dự đoán, tính sáng tạo tư duy...), Bồi dưỡng những kỹ năng truyền thông đạt hiệu quả bao gồm diễn thuyết trước đông người, ngữ pháp, tu từ, hội họa, nhiếp ảnh, quay phim, vẽ đồ án...

- Phương pháp giáo dục mới

và kỹ thuật giảng dạy đa phương tiện: Kỹ thuật đa phương tiện (Multimedia) là cơ sở quản lý và xử lý theo kiểu tin học thế kỷ 21. Nếu máy tính chỉ có thể xử lý đơn cực là văn tự và chữ số, cùng lắm là hình họa, gây cảm giác đơn điệu, cứng nhắc, khô khan, dễ nhàm chán thì kỹ thuật đa phương tiện là xử lý tổng hợp kiểu trao đổi trên máy vi tính cả về chữ viết, hình ảnh, âm thanh, v.v..., thiết lập môi liên kết logic, tập hợp thành một hệ thống hết sức sinh động. Với sự phát triển của kỹ thuật đa phương tiện, một hình thức giảng dạy mới được hình thành: hệ thống giảng dạy máy tính đa phương tiện.

- Công ty đại học: Ngày nay, các nước đều đang lập các vườn khoa học, các khu công nghiệp xung quanh trường đại học, trường đại học liên kết với các xí nghiệp ngày một nhiều, và trở thành một khối. Công ty đại học đang trở thành xu thế phát triển tất yếu, tạo thời cơ phát triển cho trường đại học và xí nghiệp. Xu thế này dùng phương thức thị trường để thu hút sinh viên, mời các nhà khoa học danh tiếng đến dạy; việc giảng dạy và nghiên cứu

khoa học trực tiếp hướng về sản xuất, quản lý kinh doanh, làm gia tăng thu nhập tài chính; mối quan hệ giữa xí nghiệp và giáo dục ngày càng mật thiết, trường đại học và xí nghiệp tương hỗ, tương lợi, bình đẳng về lợi ích trên phương tiện dịch vụ kỹ thuật, do đó sự hợp tác giữa hai bên được tăng cường.

- Giáo dục suốt đời: Về mặt thời gian, giáo dục sẽ kéo dài suốt đời người; về mặt không gian, giáo dục sẽ mở rộng đến toàn xã hội. Điều đó không những chỉ hàm chứa ý nghĩa là trong xã hội tương lai, mỗi người đều tiếp thu giáo dục và học tập bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hàm chứa ý nghĩa mỗi người trong xã hội tương lai đều học tập qua việc tham dự những hoạt động xã hội, và cả xã hội tương lai sẽ gánh vác chức năng giáo dục.

- Tư doanh hóa trường công với hình thức công ty nhận kinh doanh: Những năm gần đây ở Mỹ còn xuất hiện chế độ cho phép cá nhân mở trường và quản lý trường công.

Hội nhập quốc tế song vẫn phải giữ gìn bản sắc dân tộc về giáo dục và đào tạo

Trào lưu hội nhập quốc tế tuy đã mang lại nhiều vận hội mới cho nền giáo dục VN, nhưng cũng đặt ra bài toán nhiều ẩn số khi nền giáo dục này bắt buộc phải dung nạp những tri thức, tư tưởng mới có khi mâu thuẫn với tri thức, tư tưởng hiện thời; tình trạng các môn học cơ bản như triết học, kinh tế chính trị học, kể cả lịch sử và văn học, đã không còn được chú trọng với số lượng và chất lượng giảng dạy như trước đây, mà thay vào đó là những môn học mới mang tính thực nghiệm, có khi mang tính "thời thượng", nhằm mục đích hỗ trợ trước mắt cho nhu cầu tìm việc của sinh viên. Xu hướng và hình thức du học là một minh họa điển hình: Nhiều gia đình người Việt khuyến khích con em mình đổ xô đi du học tự

túc, trong khi đây lại là một cơ hội mười mươi để các trường nước ngoài thu lợi nhuận và hút chất xám sau khi sinh viên tốt nghiệp, và cũng là cái mà chúng ta vẫn than thở là nạn chảy máu chất xám và chảy máu ngoại tệ.

Yêu cầu về giữ gìn bản sắc dân tộc cũng gắn bó trực tiếp với vấn đề con người và công tác đào tạo nguồn nhân lực VN trong hợp tác quốc tế (HTQT). Trong đó, yêu cầu tiên quyết là sau một thời gian hợp tác, phía trường đại học của VN phải đào tạo được một đội ngũ cán bộ và giáo viên với số lượng tối thiểu, đủ để làm cơ sở ban đầu cho việc thay thế dần chuyên gia và giáo viên nước ngoài. Những giáo viên thay thế này sẽ đúc kết phương pháp và kinh nghiệm thu thập được từ nước ngoài để áp dụng và truyền đạt lại cho đối tác VN, đồng thời giúp cho dự án HTQT nâng cao được hiệu quả và tính bền vững, kéo dài tuổi thọ của dự án cho dù đối tác nước ngoài có rút ra khỏi dự án.

Bản sắc dân tộc cũng thể hiện ở tính chủ quyền của đối tác VN, có khả năng đạt trình độ quản lý chương trình, dự án ngang bằng với trình độ quản lý trung bình của đối tác nước ngoài nhằm bảo vệ những lợi ích, quyền lợi của đối tác VN trong quan hệ hợp tác, hạn chế được những thiệt hại về kinh tế do bị đối tác nước ngoài lạm dụng hay lợi dụng. Về mặt quản lý nhà nước, cần có chính sách bảo hộ cho các trường trong nước trong quan hệ cạnh tranh với trường nước ngoài.

Nhìn tổng quan, muốn tự nâng mình lên khỏi trạng thái trì trệ, các trường đại học trong nước phải tạo ra được một tư thế và một hình ảnh mới về mình, thông qua việc gấp rút đổi mới chương trình đào tạo, con người đào tạo, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho đào tạo, phát triển kinh nghiệm về HTQT..., để đạt đến mục tiêu tiên tiến là đào tạo lấy người học làm trọng tâm. Chỉ có như thế, việc ngành giáo dục và đào tạo hội nhập vào WTO mới thật sự có ý nghĩa ■